

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 09 /2021/DS-ST

Ngày 19-5-2021

V/v “*Tranh chấp về đòi lại tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hương
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh Ngân– Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ*** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 11 năm 2020 về “*tranh chấp về đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 03 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-DS, ngày 27 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Đặng Văn T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: s172, đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị Bích L ủy quyền cho ông Đặng Văn T theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020. Ông T có mặt, bà L vắng mặt

2. ***Bị đơn:*** Ông Lê Thanh B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: K1, thôn T, xã P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L (bà L ủy quyền cho ông T) trình bày: Ông, bà và ông Nguyễn Thanh B có quen biết nhau. Vào ngày 15/6/2015 tại Công ty cổ phần tổng hợp V tại lô số 23, KCN Q, thành phố Q, ông Lê Thanh B có vay vợ chồng ông bà số tiền gốc 600.000.000 đồng, mục đích để làm ăn; thời hạn vay từ ngày 26/6/2015 đến ngày 30/9/2015 thì trả, mức lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng, trả lãi vào ngày 30 hàng tháng, ông B là người soạn hợp đồng vay, ông bà đã giao đủ số tiền cho ông B khi ký kết hợp đồng; lúc ký hợp đồng có bà Đỗ Thị Mai D là nhân viên Công ty V chứng kiến ký vào người làm chứng tại hợp đồng cho vay tiền. Đến thời hạn trả nợ, vợ chồng ông đòi nợ nhiều lần thì ông Bình nói sẽ trả lãi cho vợ chồng ông và thực tế ông B đã trả lãi cho vợ chồng ông tiền lãi hơn một năm với số tiền 60.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay ông bà liên tục đòi nợ nhưng ông B vẫn không trả. Nay, ông bà yêu cầu ông Nguyễn Thanh B trả cho ông bà số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu trả lãi. Thời điểm vay tiền ông B đã ly hôn vợ và độc thân.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Thanh B, nhưng B vắng mặt tại nơi cư trú, Công an xã P không biết ông B đang làm gì, ở đâu; việc thay đổi nơi cư trú, làm việc của ông Bình gắn với thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng không thông báo cho nguyên đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chậm theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L. Buộc ông Lê Thanh Bình phải có nghĩa vụ trả cho Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). Về tiền lãi: Nguyên đơn không có yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L có đơn khởi kiện ông Lê Thanh Bình có địa chỉ tại thôn T, xã Phồ C, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn là ông Lê Thanh B đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[1.3] Về xác định quan hệ tranh chấp: Ngày 15/6/2015, nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng về việc vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2015. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hạn khởi kiện vụ án tranh chấp về hợp đồng là 03 năm. Vì thời hiệu khởi kiện đã hết, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay gốc 600.000.000 đồng. Nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp về đòi lại tài sản”. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về đòi lại tài sản” theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện vào ngày 15/6/2015, ông Lê Thanh Bình có vay của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 600.000.000 đồng, theo hợp đồng vay, hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 26/6/2015 đến ngày 30/9/2015 thì trả; lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng; mục đích vay là để B làm ăn. Hợp đồng vay tiền được lập thành 02 bản, các bên đều ký vào hợp đồng, mỗi bên giữ 01 bản, có người làm chứng bà Đỗ Thị Mai D chứng kiến ký vào Hợp đồng vay tiền và thừa nhận vào thời gian trên ông Bình có vay tiền vợ chồng ông T như hợp đồng vay là đúng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Xét hợp đồng vay giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L về việc yêu cầu ông Lê Thanh B trả số tiền gốc 600.000.000 đồng: Tại Hợp đồng về việc cho vay tiền lập ngày ngày 15/6/2015 có chữ ký của ông Lê Thanh B thể hiện ông Bình vay tiền của anh T, bà L với số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2015 thì trả nợ. Đến thời hạn trả nợ ông T, bà L đòi nợ nhiều lần, nhưng ông B không trả; ông T, bà L cho rằng số tiền 600.000.000 đồng ông B chưa trả; ông Bình không có ý kiến phản đối với yêu cầu trả nợ gốc của ông T, bà L. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Bình phải có nghĩa vụ trả cho ông T, bà L số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Nguyên đơn khai rằng mục đích vay tiền của ông Bình là để làm ăn. Qua xác minh và thu thập chứng cứ xác định ông B có vợ là bà Trần Thị Diệp L1 nhưng đã ly hôn vào ngày 16/02/2011 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2011/QĐST-HNGĐ của TAND thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, thời điểm vay tiền cho đến nay ông B chưa đăng ký kết hôn với ai.

[2.4] Về lãi suất: Nguyên đơn ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu ông Lê Thanh B trả lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L; buộc ông Lê Thanh B phải trả cho ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị Bích L số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

[4] Về án phí: Ông Lê Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông T, bà L là $(20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 200.000.000 \text{ đồng})) = 28.000.000 \text{ đồng}$ (hai mươi tám triệu đồng). Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Bích L. Ông Đặng Văn T thuộc trường hợp xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các 166, 280, 463, 466, khoản 02 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L. Buộc ông Lê Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh B phải chịu 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền tạm ứng án bà Lê đã nộp 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo biên lai số AA/2018/0004717, ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Đặng Văn T thuộc trường hợp được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định của pháp luật

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Bích L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thanh B có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Sang

